

CẢI CÁCH GIÁO DỤC VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở HÀN QUỐC

TS . NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN*

Ngày nhận bài: 10/05/2016; ngày sửa chữa: 14/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

Abstract: This article refers to education policies of the Korean government through the stages of development of the country, analyzes the main contents of education reform in Korea in recent decades. On that basis, the author offers some suggestions for the management and development of Vietnam education.

Keywords: Korea, Vietnam, education policies, education reform.

Việt Nam và Hàn Quốc là hai nước châu Á có nhiều điểm tương đồng về lịch sử phát triển, văn hóa Á đông và cơ cấu xã hội. Các chính sách phát triển thành công của Hàn Quốc có thể lấy làm bài học cho một số nước trong nhiều lĩnh vực trong đó có giáo dục. Nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc về cải cách giáo dục sẽ có giá trị tham khảo bổ ích cho quản lý và phát triển giáo dục của các nước trong khu vực.

1. Chính sách giáo dục của Hàn Quốc

Chính phủ Hàn Quốc coi đào tạo nhân lực là nhiệm vụ ưu tiên trong giáo dục để đảm bảo có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa. Giáo dục được thực hiện song hành với tiến trình công nghiệp hóa. Là một nước không giàu tài nguyên và nguồn vốn, Hàn Quốc sớm xác định việc phát triển nguồn nhân lực chính là yếu tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế của đất nước và đã tích cực đầu tư cho GD-ĐT.

Từ năm 1949, Hàn Quốc đã có một đạo luật giáo dục với các nội dung chính là bình đẳng về cơ hội giáo dục, phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục học thuật tự do, tự trị đại học, giáo dục suốt đời và đổi mới cơ cấu hệ thống quản lý giáo dục. Tháng 12/1968, Hàn Quốc công bố một đạo luật giáo dục khác để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Đạo luật này nhấn mạnh việc xây dựng một nền tảng tinh thần cho sự kế tục dân tộc cũng như giá trị nhân văn và đạo đức xã hội, sáng tạo thần tượng mới về dân tộc Hàn Quốc trên tinh thần thống nhất và hòa hợp dân tộc. Ngoài ra, đạo luật cũng khơi dậy sự yêu thích và ham hiểu biết về lịch sử quốc gia và mở rộng tầm nhìn ra thế giới, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của thời đại, chống lại các tác nhân tiêu cực bên ngoài [1; tr 178].

Hàn Quốc tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong thập kỷ 80. Bản công bố Hiến pháp và Hiến chương giáo dục quốc gia năm 1987 đã kế thừa hai đạo luật 1949 và 1968 và có những điểm bổ sung đổi mới về giáo dục. Hiến pháp Hàn Quốc thể chế hóa giáo dục suốt đời, thực hiện các biện pháp cải cách thi vào đại học và phát triển giáo dục từ xa, nâng cao mức đầu tư cho giáo dục.

Từ thập niên 90 giáo dục Hàn Quốc bước vào giai đoạn phát triển tiên tiến, giáo dục nhằm mục tiêu hướng nội và phúc lợi giáo dục nhằm nâng cao năng lực tự hành động và hoàn chỉnh tính cách của từng cá nhân trong cộng đồng giúp họ sống tốt đẹp hơn. Đồng thời, tạo ra cơ may bình đẳng giáo dục, cải thiện đời sống giảng viên và tăng cường các phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập.

Chính sách phát triển giáo dục của Hàn Quốc tuy có được điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền giáo dục nhưng được thực hiện nhất quán trên cơ sở triết lý "*Hong-ikong-gan*" đó là lý tưởng cao về giáo dục thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn, tinh thần dân chủ, tình yêu nhân loại và tự do. Tư tưởng Nho giáo, hệ tư tưởng đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần dân tộc của Hàn Quốc được nghiên cứu thích nghi với bối cảnh mới. Quan niệm về ba việc lớn của Nho giáo là "*lập đức, lập ngôn, và lập công*" được cải biến thành "*lập đức, lập danh, và lập nghiệp*" có tác dụng định hướng cho việc "*tu thân*" của thế hệ trẻ trong điều kiện mới. Bốn đặc trưng về ý thức hệ được coi là mục tiêu cơ bản nhất mà giáo dục Hàn Quốc hướng tới là: *Tính nhân văn*

* Học viện Chính trị khu vực I

(Humanity); *Bản sắc dân tộc* (National identity); *Tính đạo đức* (Morality) và *Tính tiến bộ* (Progressiveness) [1; tr 180].

Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục mới của Hàn Quốc được hoạch định dựa theo yêu cầu phát triển Hàn Quốc thành một quốc gia hiện đại với ba đặc điểm: *Một là*, quốc gia phúc lợi, công bằng, ổn định và dân chủ; *Hai là*, xã hội phồn vinh, bình đẳng, công nghiệp hóa và định hướng thông tin cao; *Ba là*, xã hội mở và định hướng toàn cầu hóa với một hệ thống tự do và năng động.

Giáo dục Hàn Quốc chuyển hướng từ một hệ thống quản lý đồng nhất hoặc chuyển hóa sang một hệ thống đa dạng hóa và mềm dẻo hơn, nhấn mạnh vào yêu cầu mở rộng tính tự trị trên cơ sở tính tự quản và tinh thần trách nhiệm. Ở Hàn Quốc, Bộ Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực - Ministry of Education and Human Resource Development (MOEHRD) là cơ quan của Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến giáo dục nhà trường, giáo dục không chính quy và các hoạt động học thuật. Bộ thực hiện tích hợp và phối hợp các chính sách giáo dục, ấn hành và phê duyệt sách giáo khoa, trợ giúp về mặt hành chính và tài chính cho mọi cấp bậc giáo dục, chỉ đạo các cơ quan giáo dục và các trường đại học vận hành hệ thống đào tạo giảng viên và chịu trách nhiệm về giáo dục suốt đời.

Tài chính cho GD-ĐT ở Hàn Quốc chủ yếu là sự trợ giúp của Chính phủ và học phí. Nguồn chính của ngân sách giáo dục ở khu vực đô thị là thu nhập quốc nội gồm chi phí hoạt động của MOEHRD, của các đại học quốc gia, các viện nghiên cứu. Đồng thời, các cơ sở giáo dục ở Hàn Quốc tích cực khai thác nguồn tài trợ từ doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong việc trực tiếp tài trợ kinh phí cho các trường đại học Hàn Quốc để thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu theo đặt hàng của doanh nghiệp; các sản phẩm nghiên cứu của các trường đại học được chuyển giao ứng dụng vào hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp [2; tr 608].

Hàn Quốc quan niệm cải cách giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phải bắt nhịp với yêu cầu phát triển kinh tế.

2. Cải cách giáo dục ở Hàn Quốc

Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, vào những năm 60 đến những năm 70 của thế kỷ XX, Hàn Quốc tập trung vào phát triển công nghiệp nhẹ và điện tử và đã tập trung hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, phát triển giáo dục trung học cơ sở, khuyến khích trung học nghề và kỹ thuật, hạn chế chỉ tiêu giáo

dục đại học. Đạo luật đào tạo nghề năm 1967 ra đời đã khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề nhằm tạo ra lực lượng lao động có kỹ năng cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Các trường, trung tâm dạy nghề phát triển nhanh và ngày càng mở rộng quy mô.

Sang những năm 80, khi chuyển từ sản xuất công nghệ trung bình sang công nghệ cao, Hàn Quốc tập trung mở rộng quy mô giáo dục phổ thông, đẩy mạnh đào tạo nghề, nới rộng chỉ tiêu nhập đại học theo hướng phát triển các trường cao đẳng nghề và kỹ thuật. Các trình độ từ dạy nghề đến trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học được thường xuyên điều chỉnh về quy mô và chất lượng cho phù hợp với đòi hỏi về nguồn nhân lực của tiến trình công nghiệp hóa. Hiện nay, để đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức, Hàn Quốc có tỉ lệ dân số tốt nghiệp đại học cao so với các nước trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế khác. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn chú ý củng cố giáo dục phổ thông làm nền móng cho công tác đào tạo nhân lực.

Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật được coi trọng ngay từ cấp trung học. Ngay trong chương trình giáo dục phổ thông, tính thực hành được coi trọng hơn tính hàn lâm, yêu cầu phân luồng được thực hiện ráo riết. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh được phân luồng vào trường trung học phổ thông và trung học nghề (bao gồm cả trường trung học thuộc các hãng công nghiệp). Với sự ra đời của Luật thúc đẩy giáo dục công nghiệp, các trường trung học nghề, chương trình đào tạo công nghiệp và đào tạo tại nhà máy phát triển rất mạnh mẽ ở Hàn Quốc.

Gần đây, Hàn Quốc công bố kế hoạch cải cách giáo dục dài hạn nhằm mục đích giáo dục con người của thế kỷ XXI, đưa nền giáo dục đến năm 2020 có thể đạt đến trình độ của các nước công nghiệp phát triển nhất trên thế giới. Mục tiêu chính của cải cách giáo dục ở Hàn Quốc hiện nay là xây dựng một hệ thống giáo dục mở, tạo cơ hội cho tất cả mọi người học tập suốt đời để họ có thể trở thành những người có đủ kiến thức, năng lực đáp ứng nhu cầu của xã hội thông tin và toàn cầu hóa.

Để đạt được mục tiêu trên, *phương hướng* của cải cách giáo dục được xác định là:

- Giáo dục lấy trung tâm là người học;
- Giáo dục đa dạng hóa, đặc trưng hóa;
- Quản lý giáo dục dựa trên nền tảng tự giác và trách nhiệm;
- Giáo dục tự do, bình đẳng và cân đối;
- Giáo dục mở thông qua mạng thông tin - số hóa;

- Xây dựng một nền giáo dục chất lượng cao, đạt ngang trình độ giáo dục của các nước phát triển trong một thời gian ngắn nhất.

3. Một số kinh nghiệm về quản lý và phát triển giáo dục của Hàn Quốc

Thứ nhất, Chính phủ luôn coi trọng phát triển các dịch vụ công về giáo dục. Các chính sách của Chính phủ trong lĩnh vực này luôn luôn bám sát và bắt kịp yêu cầu phát triển KT-XH qua các thời kì phát triển. Chính phủ không chỉ có vai trò tạo môi trường, khuyến khích phát triển mà còn trực tiếp tài trợ, đầu tư cho phát triển GD-ĐT.

Thứ hai, thu hút tài trợ của doanh nghiệp, của các tổ chức cá nhân, liên kết chặt chẽ giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đầu tư và phát triển giáo dục. Sự liên kết này sẽ góp phần hết sức quan trọng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho cả nhà trường và doanh nghiệp đồng thời mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

Thứ ba, phân quyền và đơn giản hóa sự điều hành hệ thống giáo dục. Cần thực hiện chế độ quản trị phân quyền có hiệu lực. Quyết liệt chuyển đổi các trường đại học công lập sang cơ chế tự chủ, từng bước xóa bỏ bao cấp nhà nước. Để có thể thúc đẩy nền giáo dục thì cần phải phát triển hơn nữa sự tự do, tính độc đáo, tính sáng tạo và đa dạng, sự tự do cần được áp dụng nhiều hơn trong ngành giáo dục.

Thứ tư, chú trọng phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế thông qua việc phân luồng giáo dục sớm, ngay sau khi học sinh học xong trung học cơ sở; tạo cơ chế liên thông giữa các luồng, giữa giáo dục cơ bản và giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích phát triển các trường dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng và đại học nghề; điều tiết nhu cầu tuyển sinh đại học bám sát nhu cầu của nền kinh tế, đặc biệt là nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

* * *

Trong điều kiện nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa hiện nay, hơn bao giờ hết, chính phủ Hàn Quốc nhận thấy tầm quan trọng của giáo dục trong phát triển KT-XH. Kinh nghiệm về phát triển và đổi mới chính sách giáo dục của Hàn Quốc là bài học quý báu cho Việt Nam trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và hội nhập quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Minh Hiền - Vũ ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2006). *Quản lý Giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Khánh Đức (2009). *Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Nguyễn Hữu Trí (2005). *Cải cách giáo dục trên thế giới*. Thông tin tư liệu chuyên đề, số 3, Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

[4] Trịnh Xuân Thắng (2014). *Kinh nghiệm đào tạo nhân lực của một số quốc gia trên thế giới và bài học tham khảo cho Việt Nam*. Học viện Chính trị khu vực IV.

[5] Jisoon Lee (2002). *Education Policy in the Republic of Korea. Building Block or Stumbling Block*. Seoul National University.

[6] Jones, R.S (2013). *Educational Reform in Korea*. OECD Economics Department Working Papers, No. 1067, OECD Publishing.

Nhà quản lý và nghệ thuật...

(Tiếp theo trang 254)

trọng tâm, biến cái lộn xộn trở nên trật tự (chẳng hạn có sự lộn lộn trong lời của người nói thì người nghe có thể hỏi người nói như *Tôi chưa rõ là đã hiểu đúng ý anh/chị chưa?* hay *Tôi vừa nghe thấy... Điều đấy có phải không?*).

* * *

LN là một nghệ thuật, một kĩ năng rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi người, giúp kiểm chế được cảm xúc của bản thân và học hỏi thêm được nhiều điều bổ ích. Đối với NQL, biết LN là chìa khóa của sự thành công. Để biết LN, cần phải phát triển khả năng nghe, hiểu nội dung thông tin được đưa ra đồng thời duy trì tốt mối quan hệ với người nói. Vì thế, rèn luyện kĩ năng LN là một quá trình, đòi hỏi NQL phải có ý thức học hỏi, thường xuyên trau dồi và đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động giao tiếp của mình. Đồng thời, trong thực tế giao tiếp không phải lúc nào cũng có thể áp dụng một quy trình nghe theo đúng lần lượt từng bước với tất cả các gợi ý nói trên, mà cần căn cứ vào tình huống thực tế để vận dụng cho phù hợp. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Huy Từ (chủ biên) (2009). *Kĩ năng giao tiếp đàm phán trong kinh doanh*. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
- [2] Thái Trí Dũng (2003). *Kĩ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*. NXB Thống kê, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Allan-Pease (1998). *Thuật xét người qua điệu bộ*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Andrew Carnegie (2004). *Nghệ thuật ứng xử*. NXB Văn hoá dân tộc.
- [5] Mai Hữu Khuê (chủ biên) (1997). *Kĩ năng giao tiếp trong hành chính*. NXB Lao động.
- [6] Thu Nhi (biên dịch) (2003). *Nghệ thuật lắng nghe để giải quyết xung đột*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.